TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2024/DS-PT
Ngày: 12-01-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thanh Chín, ông Nguyễn Hồng Thái

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mai, Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 12 năm 2023 và ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐ-PT, ngày 01 tháng 12 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2023/QĐPT- DS, ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A C

Địa chỉ: số 442, đường N, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Nguyên L (Theo giấy ủy quyền số: 263/UQ-QLN.23).

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm: 1969

2. Bà Lộc Thị Phương D, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 57, đường Đ, khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: số 758, quốc lộ 20, xã L , TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn, ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A C (Gọi tắt là Ngân hàng) ông Hồ Nguyên L trình bày:

Ngân hàng cấp tín dụng cho ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D (Gọi tắt là Bên được cấp tín dụng) căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619 ngày 10/6/2019. Số tiền cho vay: 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Mục đích cho vay: Tiêu dùng có tài sản bảo đảm Mua sắm trang thiết bị/vật dụng sinh hoạt gia đình, khách hàng vay mua sắm trang thiết bị sinh hoạt gia đình và phục vụ nhu cầu đời sống. Phương thức cho vay, Cho vay từng lần, Phương thức giải ngân: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu, Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng, lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Để thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D bằng Khế ước nhận nợ như sau:

Khế ước nhận nợ: số 288825089, Ngày ký và giải ngân ngày 29/7/2019, số tiền giải ngân 700.000.000 đồng, Phương thức giải ngân chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 7236457 của bà Lộc Thị Phương D tại Ngân hàng, thời hạn cho vay, từ ngày 30/7/2019 đến ngày 29/7/2029, Lãi suất (1) Lãi suất trong hạn: 11 %/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,9%/năm + X và không thấp hơn lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu trong từng thời kỳ. (2) Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3) Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D đã ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, cụ thể: Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PTT.CN.1242.060619/SĐBS-01 ngày 17/9/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điểm 4.1.1 và 4.1.2 Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng về trả nợ gốc và lãi, theo đó:

a) Trả nợ gốc: Dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ gốc trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ gốc của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Toàn bộ nợ gốc ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 8 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022. ừ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

b) Trả nợ lãi: Dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ lãi trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng

ngưng trả nợ lãi của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Toàn bộ nợ lãi ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 08 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022.

Từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

1. Ngân hàng cấp tín dụng cho ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D căn cứ theo: Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020. Chi tiết như sau: số tiền cho vay 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Mục đích cho vay: tiêu dùng có tài sản bảo đảm - Xây dựng/sửa chữa nhà ở với quy mô nhỏ - khách hàng vay sửa chữa nhà tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 6, thuộc khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, phương thức cho vay: cho vay từng lần, phương thức giải ngân: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Thời hạn cho vay: 120 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày Bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Thời hạn giải ngân: 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng, lãi suất trong hạn: được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D bằng khế ước nhận nợ như sau: khế ước nhận nợ số 303683279, ngày ký và giải ngân ngày 26/02/2020, số tiền giải ngân 500.000.000 đồng, phương thức giải ngân chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 7236457 của bà Lộc Thị Phương D tại Ngân hàng, thời hạn cho vay từ ngày 27/02/2020 đến ngày 26/02/2030, Lãi suất (1). Lãi suất trong hạn: 11,5%/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 4,7%/năm (2). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng, ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D đã ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PTT.CN.85.260220/SĐBS-01 ngày 17/9/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điểm 4.1.1 và 4.1.2 Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng về trả nợ gốc và lãi. Theo đó: trả nợ gốc: dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ gốc trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021.

Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ gốc của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Toàn bộ nợ gốc ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 8 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022. Từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

Trả nợ lãi: dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ lãi trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ lãi của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Toàn

bộ nợ lãi ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 8 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022.

Từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

1. Vi phạm hợp đồng và dư nợ chưa trả:

a/ Vi phạm hợp đồng: trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn; ngày 31/10/2022, Ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của các Khế ước nhận nợ nêu trên.

b/ Dư nợ chưa trả: tính đến ngày 11/8/2023, ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Phiếu nhận nợ 288825089, vốn gốc 472.240.000 đồng, Lãi trong hạn 2.457.335 đồng, Lãi quá hạn 62.124.142 đồng, phạt chậm trả lãi 1.545.005 đồng, Tổng cộng 538.366.482 đồng; phiếu nhận nợ: 303683279, vốn gốc 366.560.000 đồng, Lãi trong hạn 2.019.966 đồng, Lãi quá hạn 4.816.497 đồng, Phạt chậm trả lãi 1.198.720 đồng.

Tổng cộng 417.595.183 đồng; Tổng cộng vốn gốc 838.800.000 đồng, tổng cộng lãi trong hạn 4.477.301 đồng, tổng cộng Lãi quá hạn 109.940.639 đồng, tổng cộng phạt chậm trả lãi 2.743.725 đồng, tổng cộng: 955.961.665 đồng.

2. Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau: Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 441874, số vào sổ cấp GCN số: CS02261 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2017.

Tài sản thế chấp cho Ngân hàng căn cứ theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PTT.BĐCN.160.060619 ngày 10/6/2019 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Phan Thiết, số công chứng 4632; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Phan Thiết ngày 10/6/2019. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PTT.BĐCN.160.060619/SĐBS-01 ngày 26/02/2020. Cam kết thế chấp tài sản ngày 10/6/2019. Cam kết thế chấp tài sản ngày 26/02/2020.

3.Thứ tự trả nợ như sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

4. Nếu ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất

số CG 441874, số vào sổ cấp GCN số: CS02261 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu HĐXX buộc bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải trả khoản lãi phạt của hai khoản nợ nêu trên là: 2.743.225 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D trả cho Ngân hàng tổng số nợ tính đến ngày 11/8/2023 là 953.217.940 đồng, trong đó gồm: vốn gốc 838.800.000 đồng, lãi trong hạn 4.477.301 đồng, lãi quá hạn 109.940.639 đồng, ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ tính kể từ ngày 12/8/2023 đến ngày trả hết nợ.

* **Bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D tại bản tự khai ngày 03/8/2023 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:** Thừa nhận có vay và thế chấp tài sản như đại diện ngân hàng trình bày. Nhưng việc ngân hàng cho rằng ông bà vi phạm hợp đồng để rồi đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn là không đúng, nên ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã xử:

1. Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 262, Điều 264, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự;
- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Luật Thi hành án Dân sự.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A C. Buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải trả cho Ngân hàng TMCP A C tổng số tiền nợ của hai hợp đồng phải trả gồm: Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619 ngày 10/6/2019 và Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020.

Tổng cổng nợ gốc và lãi của cả hai khoản nợ nêu trên tính đến ngày 11/8/2023 là: 953.217.940 đồng (Bằng chữ: chín trăm năm mươi ba triệu hai trăm mười bảy ngàn chín trăm bốn mươi đồng), trong đó gồm: vốn gốc 838.800.000 đồng, lãi trong hạn 4.477.301 đồng, lãi quá hạn 109.940.639 đồng.

Cụ thể từng hợp đồng như sau: Đối với khoản vay số PTT.CN.1242.060619 ngày 29/7/2019, tính đến ngày 11/8/2023, tổng nợ gốc 472.240.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn 2.457.335 đồng, nợ lãi quá hạn 62.124.142 đồng, tổng cộng: 536.821.477 đồng.

Đối với khoản vay số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020, tính đến ngày 11/8/2023, tổng nợ gốc 366.560.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn 2.019.966 đồng, nợ lãi quá hạn 47.816.497 đồng, tổng cộng: 416.396.463 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D không trả hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A C được quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đức H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 441874, số vào sổ cấp GCN số: CS02261 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2017.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/8/2023) ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D còn phải chịu số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619 ngày 10/6/2019 và Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP A C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A C số tiền 22.238.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0015736 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải chịu 40.596.538 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải chịu 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp cho Ngân hàng TMCP A C.

Ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A C số tiền tạm ứng Ngân hàng TMCP A C đã nộp là 1.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Án xử công khai có mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của các bên là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngày 24/8/2023, ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D làm đơn kháng cáo cho rằng ông, bà không vi phạm hợp đồng, vì hàng tháng ông, bà vẫn trả gốc và lãi đầy đủ, Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/8/2023 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết; do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải chịu áp phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D;

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 10/6/2019, Ngân hàng TMCP A C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D có ký Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619, theo đó Ngân hàng cho ông Hà, bà Dung vay với hạn mức 700.000.000 đồng.

Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D bằng Khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ: số 288825089, ngày 29/7/2019, số tiền giải ngân 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay, từ ngày 30/7/2019 đến ngày 29/7/2029.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D đã ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PTT.CN.1242.060619/SĐBS-01 ngày 17/9/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điểm 4.1.1 và 4.1.2 Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng về trả nợ gốc và lãi, theo đó:

a) Trả nợ gốc: Dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ gốc trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021:

Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ gốc của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Toàn bộ nợ gốc ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 8 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022.

Từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

b) Trả nợ lãi: Dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ lãi trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021:

Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ lãi của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021.

Toàn bộ nợ lãi ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 08 kỳ thanh toán kể từ kỳ

thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022.

[2] Ngày 26/02/2020, Ngân hàng với ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D tiếp tục ký đồng cấp tín dụng số PTT.CN.85.260220, hạn mức vay 500.000.000 đồng.

Để thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D bằng khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 303683279, ngày ký và giải ngân ngày 26/02/2020, số tiền giải ngân 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay từ ngày 27/02/2020 đến ngày 26/02/2030.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng, ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D đã ký kết Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số PTT.CN.85.260220/SĐBS-01 ngày 17/9/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Điểm 4.1.1 và 4.1.2 Khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng về trả nợ gốc và lãi. Theo đó: trả nợ gốc: dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ gốc trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021.

Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ gốc của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021.

Toàn bộ nợ gốc ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 8 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022. Từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

Trả nợ lãi: Dư nợ được cơ cấu lại nghĩa vụ trả nợ lãi trong khoản thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021:

Ngân hàng đồng ý cho Bên được cấp tín dụng ngưng trả nợ lãi của các kỳ thanh toán từ tháng 08/2021 đến tháng 12/2021. Toàn bộ nợ lãi ngưng thanh toán của các kỳ thanh toán này sẽ được chia đều và Bên được cấp tín dụng thanh toán hàng tháng trong 8 kỳ thanh toán kể từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán tháng 08/2022.

Từ kỳ thanh toán tháng 01/2022 đến kỳ thanh toán cuối cùng của khoản vay: Bên được cấp tín dụng tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã ký kết với Ngân hàng.

[3] Trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện Ngân hàng cho rằng do ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D vi phạm về nghĩa vụ thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại Điều 2 của 02 Hợp đồng tín dụng ngày 10/6/2019 và ngày 26/02/2020 cũng như nội dung của 02 Kế ước nhận nợ ngày 29/7/2019 và ngày 26/02/2020 (BL số 13; BL số 18) thể hiện 02 bên đã thỏa thuận cụ thể mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi.

[3.2] Tại điều 4 của 02 Hợp đồng tín dụng thể hiện hai bên thỏa thuận ông Hà, bà Dung có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng đều hàng tháng; kỳ hạn trả nợ là trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán. Ngày đến hạn của thanh toán của mỗi kỳ là ngày kế tiếp ngày ông Hà, bà Dung nhận tiền vay lần đầu.

Ông Hà, bà Dung nhận tiền vay của 02 hợp đồng tín dụng vào ngày 29/7/2019 và ngày 26/02/2020.

[3.3] Như vậy, căn cứ vào thỏa thuận của 02 Hợp đồng tín dụng thì ngày đến hạn thanh toán của 02 khoản nợ vay là ngày 27 (nhưng Ngân hàng thỏa thuận là ngày 29) và ngày 30 hàng tháng và thời hạn trả nợ của 02 khoản nợ vay là trong thời hạn 10 ngày kể từ đến hạn hàng tháng. Theo sao kê tài khoản do ngân hàng cung cấp thể hiện ông Hà, bà Dung đóng tiền hàng tháng cho Ngân hàng không đúng kỳ hạn mà hai bên đã thỏa thuận (BL số 62, 63).

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án ông Hà, bà Dung cũng thừa nhận đã vay của Ngân hàng số tiền theo 02 Hợp đồng tín dụng, đến nay ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng là 838.800.000 đồng (Bút lục số 87) và cũng thừa nhận đôi lúc ông, bà có chậm đóng tiền cho Ngân hàng hàng tháng (Bút lục số 82, 83, 93).

[3.5] Do đó, ông Hà, bà Dung đã vi phạm cam kết thỏa thuận trả nợ hàng tháng với Ngân hàng; mặc dù Ngân hàng đã cơ cấu lại nợ vay cho ông Hà bà Dung;

[4] Ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D kháng cáo cho rằng Ngân hàng đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có sự đồng ý của ông, bà; ông, bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết, vì Ngân hàng là bên vi phạm hợp đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Do ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, nên ngày 31/10/2022 Ngân hàng ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với các khoản nợ mà ông Hà, bà Dung còn nợ Ngân hàng và Ngân hàng đã gửi thông báo này đến địa chỉ Số 57, đường Đ, khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận do ông Hà, bà Dung cung cấp trong Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, nhưng bị hoàn trả với lý do "có số không tên".

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hà, bà Dung xác định thời điểm mà Ngân hàng gửi Thông báo thu hồi nợ trước hạn (tháng 10/2022), khi đó ông, bà đã chuyển về sinh sống tại số 758, quốc lộ 20, xã L , TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[4.3] Theo Điều 8 của Hợp đồng cấp tín dụng quy định về cung cấp thông tin:

"8.1. Bên được cấp tín dụng có nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, thông tin sau khi bên ACB có yêu cầu và trong thời hạn ACB ấn định trước hoặc trong thời gian được ACB cấp tín dụng:

8.1.6. thông tin và tài liệu về (i) nhân thân; (ii) nơi cư trú; (iii) địa chỉ liên hệ vv…

8.2. Bên được cấp tín dụng phải cung cấp thông tin và tài liệu cho ACB trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày (i) có thay đổi về thông tin quy định tại khoản 8.1 Điều này, hoặc (ii) xảy ra các sự kiện quy định tại Điều 6 Hợp đồng này, hoặc (iii) xảy ra sự kiện bất khả kháng (nếu có trở ngại khách quan thì thời hạn thông báo về sự kiện bất khả kháng được kéo dài, nhưng tối đa không quá 7 ngày).

[4.4] Như vậy, theo quy định của hợp đồng, thì khi ông Hà, bà Dung có thay đổi về địa chỉ thì phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng biết trong thời hạn từ 3 đến 7 ngày tùy từng trường hợp.

[4.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà, bà Dung cho rằng có thông báo cho Ngân hàng biết việc ông, bà thay đổi địa chỉ qua điện thoại; trong khi đại diện Ngân hàng xác định không nhận được thông báo về thay đổi địa chỉ của ông Hà, bà Dung qua điện thoại như ông Hà, bà Dung khai.

[4.6] Theo điểm 8.5.2. của Hợp đồng cấp tín dụng quy định về phương thức gửi, nhận thông tin; trong đó quy định nhiều hình thức gửi, nhận thông tin; trong đó có quy định về gửi tin nhắn qua điện thoại. Nhưng ông Hà, bà Dung không thực hiện theo một trong các phương thức ghi trong hợp đồng, mà gọi thông báo qua điện thoại là thực hiện không đúng theo thỏa thuận và không được Ngân hàng xác nhận.

[4.7] Do đó, việc ông Hà, bà Dung gọi thông báo thay đổi địa chỉ qua điện thoại là không đúng, dẫn đến Thông báo thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng bị trả lại không phải do lỗi của Ngân hàng, mà do lỗi của ông Hà, bà Dung.

[4.8] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng xác định: Mặc dù trước đó Thông báo thu hồi nợ trước hạn bị trả lại. Nhưng sau đó, khi biết được địa chỉ mới của ông Hà, bà Dung Ngân hàng đã gửi lại Thông báo và bà Dung đã ký nhận theo Phiếu báo phát ngày 08/12/2022.

[4.9] Do đó, việc Ngân hàng căn cứ điểm 6.1.7 của Điều 6 của 02 Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619 và số PTT.CN.85.260220 có ghi:

"*Bên được cấp tín dụng và/ hoặc Bên bảo đảm vi phạm Hợp đồng cấp tín dụng hoặc bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào với ACB"*

Để Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn đối với ông Hà, bà Dung là có căn cứ.

[5] Ông Hà, bà Dung kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho yêu cầu của mình, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ; bản án

sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D kháng cáo, theo quy định thì mỗi người kháng cáo phải nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc hai người nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm là thiếu sót, nên cần phải rút kinh nghiệm.

Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đức H, bà Lộc Thị Phương D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2023/DS-ST, ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A C.

- Buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D phải trả cho Ngân hàng TMCP A C của hai Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619 ngày 10/6/2019 và số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020.

Tổng nợ gốc và lãi của cả hai hợp đồng nêu trên tính đến ngày 11/8/2023 là: 953.217.940 đồng (chín trăm năm mươi ba triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm bốn mươi đồng), trong đó gồm: vốn gốc 838.800.000 đồng, lãi trong hạn 4.477.301 đồng, lãi quá hạn 109.940.639 đồng.

Cụ thể từng hợp đồng như sau:

+ Đối với khoản vay số PTT.CN.1242.060619 ngày 29/7/2019, tính đến ngày 11/8/2023, tổng nợ gốc 472.240.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn 2.457.335 đồng, nợ lãi quá hạn 62.124.142 đồng, tổng cộng: 536.821.477 đồng.

+ Đối với khoản vay số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020, tính đến ngày 11/8/2023, tổng nợ gốc 366.560.000 đồng, tổng nợ lãi trong hạn 2.019.966 đồng, nợ lãi quá hạn 47.816.497 đồng, tổng cộng: 416.396.463 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D không trả hoặc trả không đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A C được quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Khu phố 11, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 441874, số vào sổ cấp GCN số: CS02261 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/4/2017 đứng tên ông Nguyễn Đức H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/8/2023) ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D còn phải chịu số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.1242.060619 ngày 10/6/2019 và Hợp đồng cấp tín dụng số PTT.CN.85.260220 ngày 26/02/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D mỗi người phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018694, ngày 24/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Phan Thiết. Ông Nguyễn Đức H và bà Lộc Thị Phương D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 12.01.2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Cổng thông tin điện tử TABT;
- Tổ HCTP –TABT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Cường